

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH CAO BẰNG**  
Số: 07/NQ-HĐND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
Cao Bằng, ngày 27 tháng 4 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**  
**Thông qua Quy hoạch tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021 - 2030,**  
**tầm nhìn đến năm 2050**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**  
**KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ 13 (CHUYÊN ĐỀ)**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018; Pháp lệnh số 01/2018/QH14 ngày 22 tháng 12 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 Pháp lệnh có liên quan đến quy hoạch;*

*Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;*

*Căn cứ Quyết định số 1167/QĐ-TTg ngày 3/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Báo cáo thẩm định số 2046/BC-HĐTD ngày 22 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 về Quy hoạch tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.*

*Xét Tờ trình số 919/TTr-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc đề nghị thông qua quy hoạch tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Quy hoạch tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung chủ yếu sau:

## **I. PHẠM VI, RANH GIỚI QUY HOẠCH**

Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch tỉnh Cao Bằng với tổng diện tích tự nhiên là 6.700,3 km<sup>2</sup>; gồm 10 đơn vị hành chính cấp huyện: Thành phố Cao Bằng và các huyện: Bảo Lạc, Bảo Lâm, Hạ Lang, Hà Quảng, Hòa An, Nguyên Bình, Quảng Hòa, Thạch An, Trùng Khánh. Phía Bắc và Đông Bắc giáp tỉnh Quảng Tây (*Trung Quốc*); phía Tây giáp tỉnh Hà Giang và Tuyên Quang; phía Nam giáp tỉnh Bắc Kạn và Lạng Sơn.

## **II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ CÁC ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN**

### **1. Quan điểm phát triển**

a) Phát triển nhanh, theo hướng tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số và phát triển bền vững và toàn diện dựa trên cơ sở ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc. Phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế so sánh, đặc thù và nội lực của tỉnh; tăng cường thu hút mọi nguồn lực từ bên ngoài, nắm bắt cơ hội phát triển do cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 mang lại, đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học, thực hiện nhanh chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số thúc đẩy kinh tế - xã hội tỉnh Cao Bằng phát triển nhanh, bền vững. Gắn kết giữa phát triển nông nghiệp với phát triển dịch vụ, du lịch và công nghiệp; giữa phát triển đô thị với xây dựng nông thôn mới có bản sắc, thân thiện môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

b) Phát triển kinh tế - xã hội phải khai thác tối đa yếu tố đặc thù của tỉnh Cao Bằng về vị trí địa kinh tế - chính trị là cửa ngõ quốc tế kết nối với thị trường Trung Quốc để huy động mọi nguồn lực đầu tư vào các ngành, lĩnh vực, công trình quan trọng, tạo sự đột phá, có tác động lan tỏa lớn cho phát triển kinh tế - xã hội của Cao Bằng. Tập trung đầu tư có trọng điểm vào những ngành, lĩnh vực mà tỉnh có tiềm năng, lợi thế như kinh tế cửa khẩu, du lịch, bản sắc văn hóa các dân tộc; hình thành các cực tăng trưởng và các vùng động lực để tạo nên hiệu ứng lan tỏa trong phát triển. Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hữu cơ, đặc sản gắn với lựa chọn công nghệ tiên tiến phù hợp, công nghệ số tạo động lực tăng trưởng và chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế toàn tỉnh là hướng đi và giải pháp đột phá phát huy tiềm năng, lợi thế đặc thù của Cao Bằng.

c) Mô hình phát triển tỉnh Cao Bằng lấy con người làm trung tâm, phát huy tối đa nhân tố con người, coi con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực chủ yếu và mục tiêu của sự phát triển. Phát triển phải đi đôi với giữ gìn, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, bản sắc văn hóa tốt đẹp của đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh; lấy giá trị bản sắc văn hóa đặc sắc của người Cao Bằng là yếu tố, sức mạnh nội sinh quan trọng để xây dựng các thương hiệu sản phẩm đặc thù về du lịch, nông nghiệp và thương mại bảo đảm sự phát triển nhanh và bền vững.

d) Phát triển và tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội, sử dụng tài

nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Cao Bằng phải tôn trọng quy luật tự nhiên, phù hợp với điều kiện thực tế, tránh can thiệp thô bạo vào tự nhiên và mô hình chủ động thích ứng theo tự nhiên, thân thiện với môi trường và phát triển bền vững; bảo đảm tính hợp lý, cân đối và phát huy tối đa tiềm năng, thế mạnh, nội lực của từng tiểu vùng trong tỉnh. Bảo đảm mối quan hệ liên vùng huyện, liên huyện trong phát triển kinh tế - xã hội. Hình thành các tiểu vùng sinh thái làm định hướng phát triển kinh tế, nông nghiệp và kết cấu hạ tầng. Tổ chức, phát triển hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn phù hợp với đặc điểm, điều kiện cụ thể về sinh thái, văn hoá của từng tiểu vùng trên địa bàn tỉnh.

đ) Phải đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo lập được môi trường đầu tư, kinh doanh đột phá, thông thoáng, cởi mở, hấp dẫn có sức cạnh tranh. Đổi mới sáng tạo, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ phải được ưu tiên đầu tư, đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số, chia sẻ dữ liệu; xây dựng chính quyền số, nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của chính quyền. Cải cách, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh phải được thực thi đồng bộ, thống nhất ở tất cả các cấp; có trọng tâm, gắn với lộ trình cụ thể phù hợp với thực tiễn của tỉnh, tạo sức hấp dẫn nhằm thu hút nhà đầu tư trong và ngoài nước. Thay đổi tư duy cải cách theo hướng hỗ trợ, đồng hành, phục vụ, tận tâm vì sự phát triển của doanh nghiệp, của địa phương và sự thịnh vượng của người dân. Giám sát thực thi để đảm bảo cải cách thực chất; có chế tài xử phạt đủ nghiêm khắc. Đặt người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo đánh giá chất lượng điều hành, phục vụ cơ quan hành chính nhà nước ở tất cả các cấp.

e) Với vị trí đặc biệt về quốc phòng, phen dậu phía Bắc của Tổ quốc, phát triển kinh tế tỉnh Cao Bằng phải kết hợp chặt chẽ với củng cố quốc phòng, an ninh và gắn với quản lý, bảo vệ biên giới; chủ động hội nhập và hợp tác quốc tế để có cơ chế, chính sách khai thác có hiệu quả sớm nhất thời cơ và lợi thế và khắc phục các tác động tiêu cực của các xu thế kinh tế quốc tế; đảm bảo đường biên giới ổn định, hòa bình, hữu nghị hợp tác và phát triển với Trung Quốc. Bảo đảm hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với giải quyết hiệu quả các các vấn đề xã hội, thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo đa chiều bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, nhất là ở vùng biên giới, vùng sâu, vùng xa. Bảo đảm an ninh, an toàn cho môi trường đầu tư kinh doanh, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh toàn diện, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

## 2. Mục tiêu phát triển đến năm 2030

### a) Mục tiêu tổng quát

Cao Bằng là tỉnh có nền kinh tế phát triển năng động, xanh, bền vững và toàn diện, có tốc độ tăng trưởng nhanh hơn mức tăng trưởng bình quân của vùng và là tỉnh phát triển trung bình của vùng Trung du miền núi phía Bắc. Đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế gắn với đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và áp dụng hiệu quả tiến bộ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần

thứ tư. Hệ thống kết cấu hạ tầng liên kết nội tỉnh và liên tỉnh được cải thiện đáng kể; phát triển công nghiệp chế biến và khai thác khoáng sản; nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hữu cơ, đặc sản; kinh tế cửa khẩu công nghệ cao, phát triển du lịch bền vững và là một trong những trung tâm trung chuyên hàng hóa, logistics Việt Nam - Trung Quốc; bảo vệ, khôi phục rừng, đẩy mạnh trồng rừng, phát triển lâm nghiệp bền vững; khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên, đất đai, bảo vệ môi trường, an ninh sinh thái và an ninh nguồn nước và ứng phó với thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu. Là trung tâm giao thương kinh tế, văn hoá, đối ngoại giữa Việt Nam và Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây và các tỉnh phía Tây, Tây Nam (*Trung Quốc*) và các nước ASEAN. Bản sắc văn hóa các dân tộc được bảo tồn và phát huy; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện và nâng cao; trật tự an toàn xã hội được bảo đảm. Hợp tác đối ngoại được mở rộng; quốc phòng, an ninh vững mạnh, chủ quyền biên giới quốc gia được bảo vệ vững chắc.

b) Mục tiêu cụ thể

- Về kinh tế

+ Tốc độ tăng trưởng kinh tế (*GRDP*) bình quân thời kỳ 2021 - 2030 đạt 9,72%/năm.

+ Tỷ trọng khu vực nông nghiệp chiếm khoảng 12,5% *GRDP*, công nghiệp - xây dựng khoảng 21,7%, khu vực dịch vụ là 63,3% và thuế trừ trợ cấp sản phẩm khoảng 2,5%.

+ *GRDP* bình quân/người khoảng 102 triệu đồng/người (*giá hiện hành*).

+ Thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân trên 12%/năm. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2021 - 2030 khoảng 160 nghìn tỷ đồng.

+ Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu qua địa bàn tăng bình quân cả giai đoạn đến năm 2030 tăng khoảng trên 10%/năm.

- Về văn hóa - xã hội

+ Phân đầu có 40% số cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia.

+ Đến năm 2030, tỷ lệ bác sỹ/10.000 dân là 17 người và tỷ lệ giường bệnh/10.000 dân là 40 giường; tỉ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 100%.

+ Giai đoạn 2021 - 2025: giảm tỷ lệ hộ nghèo trên 4,0%/năm. Duy trì mức giảm tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2030.

+ Đến hết năm 2025, tỉ lệ lao động qua đào tạo đạt 50%, trong đó đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt khoảng 25-26%; giảm tỉ lệ thất nghiệp ở thành thị xuống 3%. Giai đoạn 2026 - 2030, tỉ lệ lao động qua đào tạo tăng bình quân trên 1%/năm và giảm tỉ lệ thất nghiệp ở thành thị xuống dưới 3%.

+ Đến năm 2030, có 75 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; trong đó, 20 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 10 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; có 3 huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

- Về môi trường

+ Tỉ lệ che phủ rừng ổn định khoảng 60%.

+ Phần đầu 100% dân cư thành thị được sử dụng nước sạch; 98% dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch đạt chất lượng theo quy chuẩn.

+ Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải nguy hại đạt 100%; tỷ lệ nước thải ra môi trường lưu vực các sông được xử lý và tái sử dụng đạt 40%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được tái sử dụng và tái chế đạt 50%.

- Về quốc phòng, an ninh

+ Giữ vững ổn định chính trị, trật tự, kỷ cương và an toàn xã hội.

+ Phần đầu 100% xã, phường, thị trấn đạt chuẩn “*An toàn về an ninh trật tự*”. Xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

### 3. Tầm nhìn đến năm 2050

- Đến năm 2050, tỉnh Cao Bằng là một trong tỉnh phát triển khá, có mức thu nhập bình quân đầu người ở mức trên trung bình của vùng Trung du miền núi phía Bắc, phát triển xanh, bền vững và toàn diện; là một trong những đầu mối giao lưu quốc tế quan trọng và động lực phát triển ở vùng Trung du miền núi phía Bắc trong phát triển kinh tế cửa khẩu, du lịch - dịch vụ.

- Tỉnh Cao Bằng có nền kinh tế kết nối, có năng lực cạnh tranh cao và hội nhập sâu với nền kinh tế cả nước và với vùng Tây Nam, Trung Quốc gắn với Khu kinh tế cửa khẩu hiện đại, sáng tạo. Cao Bằng hình thành nên một môi trường mở và tự do để khuyến khích mọi công dân học hỏi, sáng tạo và đóng góp hiệu quả cho phát triển. Một xã hội văn minh, thượng tôn pháp luật.

- Tỉnh Cao Bằng có môi trường bền vững, chất lượng không khí, đất và nước được đảm bảo; khả năng phòng, chống chịu với biến đổi khí hậu được nâng cao.

### 4. Các đột phá phát triển và nhiệm vụ trọng tâm

#### a) Các đột phá phát triển

- Có cơ chế, chính sách đột phá và đổi mới tư duy lãnh đạo để tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, hấp dẫn đủ sức cạnh tranh để thu hút các nguồn lực, các nhà đầu tư chiến lược, các doanh nghiệp công nghệ cao, quy mô lớn, đồng thời thúc đẩy phát triển doanh nghiệp của tỉnh.

- Tập trung xây dựng, tạo bước đột phá về hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng đồng bộ, hiện đại..., tạo nền tảng phát triển nhanh, bền vững, thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển và thu nhập bình quân đầu người của tỉnh Cao Bằng với vùng Trung du miền núi phía Bắc và cả nước.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, gắn kết chặt chẽ với ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới, sáng tạo trong sản xuất và đời sống.

#### b) Các nhiệm vụ trọng tâm

- Chương trình phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng đồng bộ, hiện đại nhằm sớm khắc phục điểm nghẽn, nút thắt về kết cấu hạ tầng. Ưu tiên phát triển kết cấu hạ tầng giao thông với các tuyến cao tốc và quốc lộ đối ngoại kết nối; hạ tầng logistics; hạ tầng Khu kinh tế cửa khẩu; hạ tầng đô thị, hạ tầng du lịch, nhất là khu du lịch hiện đại, thông minh, thân thiện môi trường.

Chuẩn bị điều kiện để xây dựng sân bay Cao Bằng. Phát triển hạ tầng số, dữ liệu số và nền tảng số; bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

- Chương trình phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn gắn với phát triển Khu kinh tế cửa khẩu nhằm tạo động lực tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh Cao Bằng. Đẩy mạnh liên kết hoạt động du lịch với Thủ đô Hà Nội và các tỉnh trong vùng Trung du và miền núi phía Bắc, nhất là Hà Giang, Lạng Sơn và Bắc Kạn; thúc đẩy hợp tác với Khu tự trị dân tộc Choang, Quảng Tây (*Trung Quốc*).

- Chương trình phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao, sản xuất an toàn, hữu cơ, xanh, sạch, đặc sản. Phát triển nhanh và đột phá trong sản xuất nông nghiệp với các cây trồng, vật nuôi có tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, tập trung việc ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất. Hình thành các vùng chuyên canh gắn với chế biến và xây dựng thương hiệu. Có chính sách tạo đột phá về ứng dụng công nghệ cao phát triển nông nghiệp sản xuất an toàn, hữu cơ, xanh, sạch, đặc sản và tiêu thụ sản phẩm.

### **III. PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC**

#### **1. Ngành nông nghiệp**

- Xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng tăng trưởng xanh, hiện đại, trên cơ sở phát huy các lợi thế so sánh. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, tái cơ cấu nông nghiệp, chuyển mạnh sang sản xuất hàng hóa có chất lượng, nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững. Phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung theo tiêu chuẩn an toàn, từng bước hình thành các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hướng vào các sản phẩm có giá trị kinh tế cao, tạo ra sản phẩm có chất lượng. Tập trung phát triển các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc trưng có tiềm năng, lợi thế của tỉnh.

- Đẩy mạnh hợp tác, liên kết, có chính sách thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp để phát triển các hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp hiệu quả, nâng cao chuỗi giá trị sản phẩm.

- Phát triển sản xuất nông nghiệp phải gắn với chuyển đổi cơ cấu lao động trong nông nghiệp, nông thôn, điều chỉnh dân cư, cùng với nguồn nhân lực được đào tạo, đáp ứng yêu cầu sản xuất hàng hoá với trình độ kỹ thuật và công nghệ ngày càng cao.

#### **2. Ngành lâm nghiệp**

- Phát triển lâm nghiệp bền vững, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Bảo vệ tốt diện tích rừng tự nhiên, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng gắn với phát triển du lịch sinh thái, nâng cao giá trị sản xuất, đáp ứng nguyên liệu phục vụ công nghiệp chế biến các sản phẩm từ gỗ, tăng diện tích thâm canh các loại cây giống có giá trị kinh tế cao, bảo đảm hài hòa các mục tiêu về kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường, tạo việc làm và thu nhập, nâng cao sinh kế cho người dân.

- Thực hiện chuyển đổi một số diện tích rừng phòng hộ ít xung yếu chuyển sang quy hoạch rừng sản xuất phục vụ phát triển kinh tế, sử dụng các

loại giống cây lâm nghiệp có giá trị kinh tế cao; tạo vùng nguyên liệu tập trung phục vụ công nghiệp chế biến và xuất khẩu.

- Khuyến khích đầu tư trồng rừng gỗ lớn tạo nguyên liệu cho các cơ sở chế biến. Từng bước hình thành các vùng nguyên liệu tập trung đảm bảo cung cấp tối đa nguyên liệu cho các nhà máy, cơ sở chế biến trong và ngoài tỉnh. Xây dựng các khu chế biến gỗ công nghệ cao, chế biến lâm sản ngoài gỗ, chế biến dược liệu sử dụng nguyên liệu từ rừng trồng của địa phương.

- Phát triển hệ thống rừng đặc dụng, bảo tồn và phát huy tài nguyên rừng, đa dạng sinh học.

### 3. Ngành công nghiệp

- Phát triển công nghiệp theo hướng ứng dụng công nghệ cao, thân thiện môi trường, trọng tâm là công nghiệp chế biến. Giai đoạn 2021-2030, tập trung phát triển công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản; công nghiệp luyện kim; công nghiệp cơ khí chế tạo phục vụ phát triển nông nghiệp và nông thôn; công nghiệp điện tử dân dụng; công nghiệp hóa chất, hóa dược và dược, chú trọng phát triển các sản phẩm tinh dầu, chế biến dược liệu; công nghiệp sản xuất và phân phối điện; công nghiệp sản xuất chế biến nông, lâm sản; công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng.

- Giai đoạn sau năm 2030, tập trung phát triển sâu một số ngành công nghiệp chủ yếu: công nghiệp chế biến nông lâm sản; công nghiệp sản xuất và phân phối điện nước; công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng; công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản theo hướng đẩy mạnh sản xuất các thành phẩm có giá trị cao hơn. Phát triển thêm các ngành lĩnh vực mới, công nghiệp dược phẩm, sản xuất chế phẩm sinh học; công nghiệp môi trường; công nghiệp điện tử viễn thông; công nghiệp năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; công nghiệp chế biến, chế tạo phục vụ nông nghiệp và vật liệu mới đi đôi với áp dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng, nguyên liệu.

- Khôi phục phát triển, tạo thương hiệu cho các làng có nghề, sản phẩm truyền thống (*dệt, may thổ cẩm, đan lát ...*). Tổ chức và duy trì các nghề thủ công mỹ nghệ, rượu, thực phẩm, chè, mật ong... để tận dụng nguồn nguyên liệu và nguồn nhân công tại chỗ.

- Phát triển công nghiệp hàng tiêu dùng phục vụ nhu cầu của tỉnh và của vùng; phát triển một số nghề mới khai thác tốt những tiềm năng thế mạnh trên địa bàn; đa dạng mẫu mã, xây dựng thương hiệu sản phẩm như: sản phẩm rượu, miến dong, các loại bánh, lạp sườn, chè sạch.

### 4. Ngành thương mại, dịch vụ

- Phát triển kinh doanh thương mại theo hướng kết hợp truyền thống và văn minh hiện đại, sử dụng hiệu quả các cơ sở hạ tầng đã đầu tư và xây mới các cơ sở hạ tầng theo quy hoạch với nhiều hình thức kinh doanh như: Thương mại điện tử, Trung tâm chợ, siêu thị, chuỗi cửa hàng, chợ trung tâm xã, chợ liên xã, các cặp chợ biên giới... Phát triển mạnh thương mại nội địa theo hướng hiện đại; chủ động hội nhập quốc tế, đẩy mạnh xuất, nhập khẩu nhanh và bền vững. Huy động mọi nguồn lực xã hội phát triển các trung tâm logistics theo hướng đồng bộ, chuyên

nghiệp trở thành trung tâm dịch vụ nòng cốt trong lưu thông và phân phối hàng hóa, phục vụ đắc lực cho sản xuất, tiêu dùng hàng hóa của tỉnh và xuất nhập khẩu hàng hóa.

- Phát triển các ngành dịch vụ theo hướng nâng cao chất lượng và đa dạng hóa gắn với hoạt động của dịch vụ du lịch và khu kinh tế cửa khẩu. Phát huy tối đa lợi thế vị trí, khai thác hiệu quả tuyến cao tốc Đồng Đăng (*tỉnh Lạng Sơn*) - Trà Lĩnh (*tỉnh Cao Bằng*) đẩy mạnh phát triển các lối mở, xây dựng khu kinh tế cửa khẩu đa ngành, đa lĩnh vực, đưa tỉnh Cao Bằng để trở thành một trong những trung tâm giao thương của Việt Nam và khu vực ASEAN với vùng Tây Nam, Trung Quốc.

## 5. Ngành du lịch

- Phân đấu đến năm 2030, tỉnh Cao Bằng đón khoảng 4 -5 triệu lượt khách du lịch, trong đó khoảng 700 - 900 nghìn lượt khách quốc tế; đến năm 2050 đón khoảng 11-13 triệu lượt khách, trong đó khách quốc tế chiếm khoảng 15%.

- Phát triển các sản phẩm du lịch chủ đạo, đặc thù gắn với nâng cao chất lượng các tuyến du lịch và tăng cường liên kết hoạt động du lịch với các trung tâm du lịch lớn của cả nước, với các tỉnh lân cận và với các tỉnh phía Nam Trung Quốc, phân đấu xây dựng tỉnh Cao Bằng thành trung tâm thu hút du lịch của vùng.

- Phát triển du lịch dựa trên các giá trị cảnh quan tự nhiên gắn với khai thác các giá trị di sản Công viên địa chất toàn cầu Non nước Cao Bằng (*như Khu Di tích Quốc gia đặc biệt Pác Bó, thác Bản Giốc...*) và phát huy giá trị văn hóa đặc thù của tỉnh Cao Bằng như thực hành Then của người Tày, Nùng đã được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại nhằm tạo lợi thế cạnh tranh du lịch của tỉnh.

- Xây dựng đồng bộ cơ sở vật chất phục vụ du lịch; quy hoạch xây dựng sân golf; phát triển các dịch vụ hỗ trợ đảm bảo đáp ứng tốt nhu cầu của du khách.

- Xây dựng mô hình làng bản văn hoá kết hợp làm du lịch với hình thức du lịch homestay. Khuyến khích xây dựng các khu nghỉ sinh thái thấp tầng mang sắc thái kiến trúc của địa phương.

- Phát huy giá trị của các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh theo các quy định của Luật di sản văn hóa, hạn chế tối đa việc bê tông hóa các hạng mục công trình, không gây ô nhiễm, làm ảnh hưởng đến đời sống của cộng đồng dân cư xung quanh. Các hoạt động khai thác phát triển du lịch trong rừng phải tuân thủ quy định pháp luật về Lâm nghiệp.

## 6. Phát triển lĩnh vực văn hoá, thể thao

Ưu tiên bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, di tích cấp quốc gia, di tích lịch sử cách mạng, các di sản văn hóa tiêu biểu, đặc trưng của tỉnh Cao Bằng và đồng bào dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn. Xây dựng những sản phẩm văn hóa đa dạng, mang thương hiệu địa phương, tập trung khai thác các giá trị tài nguyên nội trội về sinh thái và văn hóa. Phát triển văn hóa, gia đình đảm bảo giữ gìn bản sắc của mảnh đất và con người tỉnh Cao Bằng. Phát triển phong trào thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao ở những môn có thế mạnh; quan tâm đầu tư xây



dựng các thiết chế văn hóa - thể thao phục vụ đời sống nhân dân, tạo bước đột phá trong hoạt động văn hóa, thể thao trên địa bàn toàn tỉnh, gắn với phát triển du lịch và phục vụ đắc lực nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

#### 7. Phát triển giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp

- Phát triển giáo dục và đào tạo gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đáp ứng yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên nền tảng tiên bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Phát triển hài hòa giữa giáo dục công lập và ngoài công lập, giữa các địa bàn trong tỉnh. Tiếp tục ưu tiên đầu tư phát triển giáo dục, đào tạo ở các vùng đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa.

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất và tiếp tục quy hoạch mạng lưới trường, lớp; củng cố và phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông dân tộc nội trú và cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Tạo chuyển biến căn bản về chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo; chú trọng giáo dục các chuẩn mực đạo đức và những phẩm chất, năng lực chủ yếu theo mục tiêu của chương trình giáo dục phổ thông; phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; coi trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Phát triển hệ thống giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, đa dạng, linh hoạt có quy mô hợp lý, trong đó cơ cấu ngành nghề, cơ cấu trường, lớp, cơ cấu trình độ theo yêu cầu phát triển của tỉnh và cân đối ở các địa bàn trong tỉnh; gắn với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nguồn nhân lực, quy hoạch các ngành và không gian, vùng, lãnh thổ, sự phân bố các khu công nghiệp, khu kinh tế của tỉnh đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng và chất lượng cao cho tỉnh.

#### 8. Phát triển y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân

- Phát triển đồng bộ, toàn diện hệ thống y tế phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Cao Bằng, bảo đảm tính hệ thống, liên tục trong hoạt động chuyên môn của từng tuyến và giữa các tuyến. Quan tâm phát triển tuyến y tế cơ sở, nhất là tăng cường năng lực công tác y tế dự phòng và nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh ở tuyến huyện. Xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở, tăng cường năng lực y tế dự phòng và phòng chống dịch.

- Bảo đảm các nhóm dân số đặc thù như trẻ em, người khuyết tật, các đối tượng chính sách, người cao tuổi, đồng bào dân tộc ít người... được tiếp cận các dịch vụ y tế cơ bản. Tăng cường kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền trong phòng bệnh, khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng và nâng cao sức khỏe.

#### 9. An sinh xã hội

Thực hiện tốt chế độ, chính sách và huy động xã hội hóa nguồn lực chăm lo người có công và các đối tượng bảo trợ xã hội; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách, chương trình, đề án, bảo vệ, chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới, phòng, chống tệ nạn xã hội, đảm bảo an sinh xã hội. Thực hiện có hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia (*Chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; Chương trình xây dựng nông thôn mới giai*

đoạn 2021 - 2025), thực hiện hoàn thành xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ gia đình chính sách.

#### 10. Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo

- Phát triển và đẩy mạnh ứng dụng tiên bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thực sự là động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Đổi mới mạnh mẽ cơ chế hoạt động nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo, tạo thuận lợi cho nghiên cứu, chuyển giao phù hợp với cơ chế thị trường, nâng cao tính tự chủ của các đơn vị nghiên cứu khoa học, công nghệ. Cơ cấu lại các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ, gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Cao Bằng, phát triển chuỗi giá trị của sản phẩm, tạo giá trị gia tăng.

- Thực hiện nhanh quá trình chuyển đổi số trên cả 3 trụ cột chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Xây dựng chính quyền số, chuyển đổi số toàn diện trong hệ thống chính quyền, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động. Đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử, hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình, nhóm hộ gia đình tham gia các sàn thương mại điện tử lớn trong và ngoài nước nhằm thúc đẩy, tạo điều kiện mua bán sản phẩm, dịch vụ trên môi trường mạng. Thúc đẩy chuyển đổi số xã hội, tập trung vào chuyển đổi số kỹ năng, cung cấp các khóa học trực tuyến mở, hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp để đào tạo, tập huấn, nâng cao kiến thức, kỹ năng về công nghệ số và chuyển đổi số cho người dân và doanh nghiệp.

#### 11. Quốc phòng, an ninh, đối ngoại

- Bảo đảm quốc phòng - an ninh. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh toàn diện; bảo vệ vững chắc chủ quyền, lãnh thổ biên giới quốc gia. Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân; kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng - an ninh, xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, huyện vững chắc. Xây dựng lực lượng bộ đội thường trực, dân quân tự vệ, dự bị động viên đủ số lượng, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và sức chiến đấu.

- Giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường hòa bình, thuận lợi, phục vụ hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; bảo vệ tuyệt đối an toàn các sự kiện chính trị quan trọng của đất nước, của tỉnh. Kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch, phản động. Tăng cường công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác; tạo chuyển biến tích cực về trật tự xã hội. Xây dựng phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc phù hợp với từng vùng, từng đối tượng và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội ở từng địa phương.

- Tích cực, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, mở rộng và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, phối hợp chặt chẽ giữa đối ngoại Đảng với ngoại giao Nhà nước, đối ngoại nhân dân. Triển khai thực hiện có hiệu quả các Hiệp định, thỏa thuận đã ký kết với phía Trung Quốc và các đối tác nước ngoài. Hợp tác với Trung Quốc về quốc phòng, an ninh, xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị và phát triển bền vững. Tiếp tục đầu tư và triển khai việc sắp xếp, bố trí dân cư trên

tuyên biên giới; đầu tư xây dựng các đường tuần tra biên giới. Chủ động tiếp cận các tổ chức kinh tế, tài chính quốc tế, khu vực tranh thủ vốn, kinh nghiệm quản lý và thu hút đầu tư, hợp tác trên các lĩnh vực.

#### **IV. PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC KHÔNG GIAN HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI**

##### **1. Phương hướng khai thác lãnh thổ và phân vùng phát triển tỉnh Cao Bằng**

Khai thác hiệu quả các vùng không gian, điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý để phân vùng sản xuất, kinh doanh. Trên cơ sở điều kiện đặc thù về tự nhiên, địa hình, đặc điểm dân cư, văn hóa xã hội và trình độ phát triển để hoạch định không gian phát triển các lĩnh vực, cùng với phân bố các tài nguyên thiên nhiên của khu vực nghiên cứu, tỉnh Cao Bằng phân thành 3 vùng liên huyện như sau:

- Vùng Trung tâm (*Vùng I*) gồm thành phố Cao Bằng, các huyện Hòa An và Hà Quảng, là vùng động lực phát triển của tỉnh, cơ cấu kinh tế phát triển mang tính tổng hợp và chất lượng cao. Tập trung đầu tư phát triển các khu vực có ưu thế vượt trội để hình thành các trung tâm trung chuyển hàng hóa, các khu du lịch chất lượng cao, các trung tâm thương mại dịch vụ, các khu, cụm công nghiệp... Ngoài ra, vùng này cũng có khu vực biên giới, vùng cao, phát triển kinh tế cửa khẩu, thương mại dịch vụ và phát triển nông nghiệp gắn với công nghiệp chế biến nông sản.

- Vùng miền Đông (*Vùng II*) gồm các huyện Trùng Khánh, Hạ Lang, Quảng Hòa và Thạch An với đặc trưng là kinh tế cửa khẩu, thương mại dịch vụ và công nghiệp chế biến nông sản. Đầu tư nâng cấp cửa khẩu Tà Lùng, Trà Lĩnh và một số cửa khẩu khác nhằm tăng cường giao thương với các địa phương của Trung Quốc.

- Vùng miền Tây (*Vùng III*) gồm các huyện Nguyên Bình, Bảo Lâm và Bảo Lạc. Phát triển kinh tế gắn với công tác bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu tạo nền tảng cho việc phát triển lâu dài và bền vững. Bảo vệ giá trị của rừng, rừng đặc dụng và bảo tồn và phát huy các giá trị cảnh quan, hệ sinh thái thiên nhiên quan trọng, các loài sinh vật, nguồn gen, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.

##### **2. Phương án phát triển hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn của tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2050**

###### **a) Các khu vực phát triển hệ thống đô thị**

- Đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa, tỷ lệ đô thị hóa đạt 44% vào năm 2030. Phát triển hệ thống đô thị phù hợp với điều kiện đặc thù của tỉnh, trở thành động lực phát triển của các vùng trong tỉnh. Đặc điểm đô thị của Cao Bằng là xanh, có bản sắc, năng động, hạ tầng theo hướng đồng bộ, hiện đại, thông minh, bảo đảm phát triển bền vững.

- Đến năm 2030, Cao Bằng có 01 đô thị loại II (*thành phố Cao Bằng*), 05 đô thị loại IV (*Phục Hòa, Trà Lĩnh, Trùng Khánh, Quảng Uyên, Nước Hai*), 11 đô thị loại V. Tầm nhìn 2050 toàn tỉnh Cao Bằng có 01 đô thị loại I (*với mục tiêu xây dựng một đô thị xanh, thông minh, phát triển bền vững*); 03 thị xã loại IV (*Quảng Hòa, Trùng Khánh và Hòa An*), 10 đô thị loại V.

### b) Phương án tổ chức lãnh thổ nông thôn

- Phát triển các điểm trung tâm cụm xã và các cơ sở tạo thị; quy hoạch các trung tâm cụm xã trên cơ sở cải tạo và xây dựng các chợ, cơ sở dịch vụ sản xuất và đời sống, cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp, cơ sở văn hoá cộng đồng trở thành trung tâm kinh tế, văn hoá và dịch vụ thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của một cụm xã.

- Phát triển mạng lưới các điểm dân cư, các trung tâm hành chính xã, hệ thống trung tâm công cộng và kết cấu hạ tầng.

- Quy hoạch các tuyến dân cư tập trung phân bố dọc theo các tuyến đường giao thông liên xã, đầu tư đồng bộ các công trình hạ tầng như đường giao thông nông thôn, lưới điện, nước, sinh hoạt, hệ thống trường lớp, hệ thống y tế, hệ thống các thiết chế văn hóa - xã hội.

### 3. Phương án tổ chức không gian các khu chức năng và các ngành kinh tế

#### a) Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng

Phát triển Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng đa ngành, đa lĩnh vực, trở thành một trung tâm kinh tế về thương mại, dịch vụ, du lịch và công nghiệp của khu vực các tỉnh miền núi phía Bắc và có khả năng gắn kết với các địa phương khác để tạo thành tuyến dịch vụ thương mại - du lịch động lực của vùng Trung du miền núi phía Bắc.

b) Phân bố không gian phát triển thương mại, dịch vụ và kho bãi trung chuyển hàng hóa

- Phát triển tập trung các khu thương mại, dịch vụ tại trung tâm thành phố, huyện, thị trên toàn Tỉnh.

- Khu logistics, hệ thống kho bãi, khu trung chuyển hàng hóa xuất, nhập khẩu: Phát triển các khu dịch vụ logistics, tập trung tại Tà Lùng, Trà Lĩnh. Quy hoạch hệ thống kho bãi tại tất cả các cửa khẩu, lối mở. Diện tích các khu logistics, kho bãi, khu trung chuyển hàng hóa trong Khu kinh tế.

c) Phân bố không gian phát triển công nghiệp, khu công nghiệp, cụm công nghiệp

- Đẩy nhanh tiến độ xây dựng kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; phát triển các khu công nghiệp sinh thái; hình thành các cụm liên kết ngành có quy mô lớn. Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác thu hút đầu tư, tích cực thu hút các nhà đầu tư có năng lực, uy tín và thương hiệu, nhất là vào các ngành công nghiệp quan trọng của tỉnh.

- Đến năm 2030: Quy hoạch 02 khu công nghiệp, với tổng diện tích 197ha và 04 cụm công nghiệp, với tổng diện tích 115ha.

- Đến năm 2050: Dự kiến mở rộng 02 khu công nghiệp và thành lập mới 02 khu công nghiệp, với tổng diện tích 650ha; mở rộng 03 cụm công nghiệp và thành lập mới 10 cụm công nghiệp, với tổng diện tích quy hoạch là 572,8ha.

#### d) Phân bố không gian phát triển du lịch

- Cụm du lịch Trung tâm (*thành phố Cao Bằng và phụ cận*): Định hướng phát triển du lịch nghỉ cuối tuần, du lịch trải nghiệm, vui chơi giải trí, du lịch

quá cảnh, tham quan, nghiên cứu, du lịch công vụ, thương mại...

- Cụm du lịch phía Đông (*Bản Giốc - Ngườm Ngao và phụ cận*): Định hướng phát triển du lịch tham quan cảnh quan, văn hóa tâm linh, bản văn hóa, nghỉ cuối tuần, các khu nghỉ dưỡng chữa bệnh, camping, thể thao, mạo hiểm..., du lịch sinh thái, du lịch biên giới, định hướng phát triển thành khu du lịch quốc gia.

- Không gian du lịch Đông Nam (*thị trấn Đông Khê và phụ cận*) hướng khai thác phát triển du lịch văn hóa, địa chất và cửa khẩu biên giới.

- Cụm du lịch phía Tây (*Phja Đén, Phja Oắc, rừng Trần Hưng Đạo, thuộc địa phận huyện Nguyên Bình*): Định hướng phát triển du lịch sinh thái, du lịch nghỉ cuối tuần, các khu nghỉ dưỡng chữa bệnh, du lịch văn hóa: tham quan các di tích lịch sử cách mạng, văn hóa dân tộc.

đ) Phân bố không gian phát triển nông nghiệp

- Không gian phát triển nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Cao Bằng được phân bố như sau:

+ Vùng chuyên trồng lúa nước tại các huyện Hòa An, Hà Quảng, Nguyên Bình, Thạch An, Hạ Lang và thành phố Cao Bằng; trồng ngô ở Bảo Lâm, Bảo Lạc, Trùng Khánh, Quảng Hòa; trồng đậu tương tại các huyện Trùng Khánh, Hà Quảng, Hạ Lang; trồng rau hoa tại các huyện Hòa An, Quảng Hòa, Nguyên Bình và thành phố Cao Bằng.

+ Trồng cây thuốc lá, tập trung chủ yếu ở huyện Hòa An, Hà Quảng, Trùng Khánh, Nguyên Bình, Quảng Hòa và một số ít tại thành phố Cao Bằng; vùng trồng mía tập trung tại các huyện Quảng Hòa, Hạ Lang và một số ít tại các huyện Nguyên Bình, Hà Quảng, Bảo Lạc, Bảo Lâm.

+ Đẩy mạnh phát triển trồng cây dẻ tại huyện Trùng Khánh, trồng lê tại Thạch An, Nguyên Bình, Hòa An, trồng cam, quýt tại huyện Trùng Khánh và Hòa An; trồng cây gừng tại Hà Quảng, Quảng Hòa, Hạ Lang.

+ Xây dựng vùng chuyên canh cây nguyên liệu trúc ở các huyện Nguyên Bình, Bảo Lạc, Hà Quảng, Hòa An.

- Khuyến khích hình thành vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô thích hợp gắn cơ sở chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, bảo tồn các nguồn gen quý sản vật địa phương và góp phần tạo sinh kế bền vững, ổn định cho người dân. Xây dựng các trang trại sản xuất nông - lâm nghiệp tập trung, có quy mô trung bình, sử dụng quỹ đất vừa phải, tại các khu vực thuộc huyện Quảng Hòa, Trùng Khánh và Hà Quảng; chú trọng phát triển chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa tại huyện Quảng Hòa.

## **V. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ, KHAI THỨC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC**

1. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên khoáng sản

a) Bảo vệ các nguồn tài nguyên khoáng sản

Bảo vệ chặt chẽ các khu vực khoáng sản cần bảo vệ không để xảy ra tình trạng khai thác khoáng sản trái phép, không để xảy ra hiện tượng sử dụng

khoáng sản sai mục đích.

- Các khu vực khoáng sản cần bảo vệ chặt chẽ: Tập trung bảo vệ các khu vực có nguy cơ cao xảy ra khai thác khoáng sản trái pháp luật; bảo vệ khoáng sản tại các mỏ nằm trong khu vực được khoanh định là khu vực cấm và tạm cấm hoạt động khoáng sản; bảo vệ các khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản liên quan đến vàng sa khoáng lòng sông.

- Bảo vệ các khu vực khoáng sản khác là: khu vực thăm dò, khai thác khoáng sản, các khu vực kết thúc khai thác có quyết định đóng cửa mỏ (*nhất là với các khoáng sản dễ khai thác, tiêu thụ và có giá trị kinh tế cao*).

b) Phương án thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản

- Khai thác, chế biến khoáng sản và khoáng chất phù hợp với tiềm năng và trữ lượng tài nguyên khoáng sản, bảo đảm yêu cầu phát triển bền vững, không làm ảnh hưởng đến môi trường và các danh lam, thắng cảnh trên địa bàn; sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên, đáp ứng tối đa nhu cầu của nền kinh tế.

- Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường và các khu vực mỏ khoáng sản kim loại và các khoáng sản khác đáp ứng đủ tiêu chí khoanh định là khu vực có khoáng sản phân tán nhỏ lẻ.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với công tác quản lý tài nguyên, khoáng sản trên địa bàn tỉnh theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước

- Khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên nước mặt và nước dưới đất. Quản lý, điều hòa, phân bổ nguồn nước góp phần bảo đảm an ninh nguồn nước cho các mục đích khai thác, sử dụng và các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. Vận hành các công trình khai thác, sử dụng nước phải bảo đảm giá trị dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối. Phát triển công trình điều tiết, khai thác, sử dụng nước, phát triển tài nguyên nước. Trong trường hợp xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước, nguồn nước dự phòng cấp cho sinh hoạt được khai thác, sử dụng từ nguồn nước dưới đất.

- Khai thác, sử dụng phải gắn với bảo vệ tài nguyên nước, bảo vệ chức năng nguồn nước, nguồn sinh thủy, sự lưu thông dòng chảy, các hồ, ao có chức năng điều hòa, có giá trị đa dạng sinh học. Quản lý không gian tiêu thoát nước, bảo đảm lưu thông dòng chảy trên các sông, suối. Quản lý, giám sát các cơ sở sản xuất có hoạt động xả nước thải, thu gom, xử lý nước thải đô thị xả vào nguồn nước để bảo đảm chức năng nguồn nước theo quy định;

- Phòng, chống sạt, lở bờ, bãi sông và sụt, lún đất do khai thác nước dưới đất. Quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước, không phát sinh các hoạt động trong hành lang bảo vệ nguồn nước có nguy cơ gây sạt, lở bờ sông, suối hoặc gây ảnh hưởng nghiêm trọng, uy hiếp đến ổn định, an toàn của sông, suối, cảnh quan, môi trường sinh thái. Thực hiện việc khoanh định vùng hạn chế khai thác nước dưới đất, dừng khai thác nước dưới đất đối với các vùng đã xảy ra sụt, lún đất do khai thác nước dưới đất và không xây mới các công trình khai thác đối với vùng liền kề vùng đã xảy ra sụt, lún đất.

### 3. Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

#### a) Phân vùng môi trường tỉnh Cao Bằng

- Vùng bảo vệ nghiêm ngặt, gồm: vườn quốc gia Phja Oắc - Phja Đén; Khu bảo tồn loài - sinh cảnh Trà Lĩnh - Hang Then; Khu bảo tồn loài - sinh cảnh Hạ Lang; Khu bảo tồn loài - sinh cảnh Bảo Lạc; Khu bảo tồn loài - sinh cảnh Bảo Lâm; Khu bảo tồn loài - sinh cảnh Vườn Cao Vít; Khu bảo vệ cảnh quan Pác Bó; Khu bảo vệ cảnh quan Thạch An; Khu bảo vệ cảnh quan Bản Giốc; Khu bảo vệ cảnh quan Lam Sơn; Khu bảo vệ cảnh quan rừng Trần Hưng Đạo; 01 khu bảo tồn vùng nước nội địa thuộc sông Bằng và rừng phòng hộ đầu nguồn.

- Vùng hạn chế phát thải gồm: vùng đệm, hành lang của các khu: Vườn quốc gia Phja Oắc - Phja Đén, 5 Khu bảo tồn loài sinh cảnh (*Vườn Cao Vít Trùng Khánh, Hạ Lang, Trà Lĩnh - Thặng Hen, Bảo Lạc, Bảo Lâm*); 5 khu bảo vệ cảnh quan (*Pác Bó, Bản Giốc, Trần Hưng Đạo, Thạch An, Lam Sơn*); hệ thống khu di tích trên địa bàn tỉnh; vùng đất ngập nước quan trọng của Sông Gâm và sông Quây Sơn chảy qua trên địa bàn tỉnh và các hồ chứa nước thủy lợi vừa và lớn; vùng rừng sản xuất; các khu vực khai thác khoáng sản; khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh; các đô thị loại V trở lên.

- Vùng khác là các vùng còn lại trên địa bàn tỉnh.

#### b) Định hướng bảo vệ môi trường tại các vùng môi trường

- Vùng bảo vệ nghiêm ngặt

+ Bảo vệ nguyên vẹn các hệ sinh thái rừng; các nguồn gen động thực vật rừng quý, hiếm, các đặc sản rừng, cảnh quan thiên nhiên trong khu vực bảo tồn. Xây dựng hành lang kết nối với các Vườn quốc gia, Khu bảo tồn và kết nối các khu vực trong khu bảo tồn. Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào quản lý đa dạng sinh học. Kiểm soát xả thải chất ô nhiễm ra Sông Bằng. Duy trì diện tích rừng tự nhiên, nâng tỷ lệ che phủ rừng, kiểm soát phát thải khí nhà kính.

+ Hạn chế quy hoạch, phát triển dự án khai thác khoáng sản; xây dựng kho chứa hóa chất độc hại, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu có yếu tố độc hại đối với môi trường; xây dựng cơ sở xử lý, bãi chôn lấp, vị trí thải bỏ chất thải rắn, cơ sở sản xuất, kinh doanh phát sinh chất ô nhiễm độc hại, có hoạt động xâm hại đến các đối tượng, yếu tố cần bảo vệ nghiêm ngặt.

- Vùng hạn chế phát thải

+ Phát triển đô thị, cụm dân cư hài hòa với cảnh quan môi trường, có cơ sở hạ tầng cấp, thoát nước, xử lý nước thải. Phát triển bền vững tại các di sản, di tích, địa điểm du lịch trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

+ Hạn chế xả nước thải lưu lượng lớn, các nguồn thải phải được xử lý đạt cột B của quy chuẩn tại lưu vực sông Gâm, sông Quây Sơn. Hạn chế phát thải, cải thiện môi trường tại các khu vực có các hoạt động ảnh hưởng lớn đến chất lượng môi trường đất, nước, không khí. Kiểm soát, nghiêm cấm các hoạt động xả thải các chất thải không qua xử lý vào môi trường tại các khu dân cư tập trung.

- Các vùng khác

+ Quản lý, bảo vệ môi trường phục vụ chính hoạt động phát triển bền vững.

Áp dụng sản xuất sạch hơn trong các hoạt động sản xuất. Quan tâm, khai thác hiệu quả các khu vực tiềm năng đảm bảo đáp ứng các tiêu chí, chỉ tiêu về môi trường.

+ Ngăn ngừa ô nhiễm do hoạt động các cơ sở sản xuất trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, các cơ sở sản xuất xen kẽ trong khu dân cư, bảo vệ chất lượng nước mặt và chất lượng không khí khu đô thị, khu dân cư. Xây dựng đô thị, khu công nghiệp theo hướng “*Xanh, sạch*”.

c) Phương án bảo tồn đa dạng sinh học, khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, khu bảo tồn thiên nhiên

- Quy hoạch khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, khu bảo tồn thiên nhiên không ảnh hưởng đến Công viên địa chất toàn cầu non nước Cao Bằng, đảm bảo tuân theo các tiêu chí và quy định của UNESCO. Chú trọng nghiên cứu và tăng cường sử dụng năng lượng sạch, tăng trưởng xanh.

- Quy hoạch Vườn Quốc gia Phia Oắc - Phia Đén; quy hoạch khu bảo tồn loài - sinh cảnh, gồm: Khu bảo tồn loài - sinh cảnh cấp quốc gia vượn Cao Vít Trùng Khánh trên cơ sở mở rộng khu bảo tồn loài - sinh cảnh vượn Cao Vít Trùng Khánh hiện có về phía Tây Nam; Khu bảo tồn loài - sinh cảnh Trà Lĩnh - Thăng Hen trên cơ sở mở rộng khu Di tích lịch sử cấp Quốc gia Hồ Thăng Hen; Khu bảo tồn loài - sinh cảnh Hạ Lang quy hoạch trên cơ sở khu rừng nguyên sinh trên núi đá vôi của huyện Hạ Lang; Khu bảo tồn loài - sinh cảnh Bảo Lạc được quy hoạch trên cơ sở khu rừng nguyên sinh trên núi đá vôi và rừng tự nhiên.

- Quy hoạch khu bảo vệ cảnh quan, gồm: Khu bảo vệ cảnh quan Pác Bó trên cơ sở mở rộng Khu bảo vệ cảnh quan Pác Bó hiện có; khu bảo vệ cảnh quan Thạch An trên cơ sở Khu bảo vệ cảnh quan Thạch An hiện có; khu bảo vệ cảnh quan Bản Giốc trên cơ sở khu Thác Bản Giốc, Động Ngườm Ngao; khu bảo vệ cảnh quan Lam Sơn; khu bảo vệ cảnh quan Trần Hưng Đạo trên cơ sở khu Di tích lịch sử rừng Trần Hưng Đạo; khu bảo tồn vùng nước nội địa Sông Bằng được quy hoạch trong hệ thống khu bảo tồn vùng nước nội địa trên địa phận các huyện Hà Quảng, Hòa An, Quảng Hòa và thành phố Cao Bằng.

d) Phương án về điếm, thông số, tần suất quan trắc môi trường đất, nước, không khí

- Tiếp tục triển khai các chương trình quan trắc chất lượng môi trường phục vụ cho công tác quản lý nhà nước; mở rộng phạm vi và xây dựng mới các chương trình quan trắc, điều tra cơ bản về môi trường (*trong đó cần ưu tiên đối với môi trường đất*), đa dạng sinh học.

- Xây dựng kế hoạch đầu tư lắp đặt hệ thống quan trắc tự động; đầu tư ngay hệ thống quan trắc tự động để kiểm soát các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động; ưu tiên đầu tư lắp đặt các trạm quan trắc nước tự động tại các doanh nghiệp có lượng nước thải lớn; xây dựng các trung tâm theo dõi, giám sát thường xuyên. Xây dựng, hoàn thiện và hiện đại hóa mạng lưới quan trắc tự động môi trường nước, chú trọng các trạm tại lưu vực sông Gâm và sông Neo, sông Bằng Giang, sông Quây Sơn và sông Bắc Vọng; đầu tư mạng lưới quan trắc môi trường không khí, chú trọng các trạm quan trắc phân bố đều trên địa bàn thành phố Cao Bằng và các huyện. Đảm bảo kinh phí quan trắc môi



trường hàng năm.

## **VI. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG**

### **1. Phương án quy hoạch phát triển mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông**

#### **1.1. Phương án quy hoạch cao tốc, quốc lộ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

- Cao tốc Đồng Đăng (*tỉnh Lạng Sơn*) - Trà Lĩnh (*tỉnh Cao Bằng*) hoàn thành xây dựng giai đoạn 1 trước năm 2025, tiếp tục hoàn thiện theo quy mô cao tốc 4 làn sau năm 2025.

- Cao tốc Bắc Kạn - Cao Bằng quy mô 4 làn xe, đề xuất đầu tư trong giai đoạn 2026 - 2030. Trường hợp nguồn lực hạn chế, phân kỳ đầu tư giải phóng mặt bằng đủ 4 làn đảm bảo tiêu chuẩn cao tốc, đầu tư 2 làn ô tô; giai đoạn sau, khi có đủ nguồn lực đầu tư và yêu cầu về nhu cầu vận tải, thực hiện đầu tư hoàn thiện quy mô 4 làn xe.

- Nâng cấp 06 quốc lộ gồm: Quốc lộ 3, 4A, 4C, 34, 34B và đường Hồ Chí Minh.

- Xây mới Quốc lộ 3C.

#### **1.2. Phương án quy hoạch phát triển mạng lưới đường tỉnh, liên huyện**

- Xây mới tuyến kết nối thành phố Cao Bằng với cao tốc Đồng Đăng (*tỉnh Lạng Sơn*) - Trà Lĩnh (*tỉnh Cao Bằng*) theo quy mô đường cấp III đồng bằng, đoạn khó khăn thiết kế theo quy mô đường cấp III miền núi, chiều dài tuyến khoảng 18,5 km (*không bao gồm đoạn đi trùng Quốc lộ 34B*).

- Cải tạo, duy trì đường tỉnh đạt cấp IV đối với ĐT.203, ĐT.206, ĐT.213. Nâng cấp hoàn chỉnh cấp IV đối với 13 đường tỉnh: ĐT.201, ĐT.202, ĐT.204, ĐT.205, ĐT.207, ĐT.207A, ĐT.208, ĐT.209, ĐT.209A, ĐT.210, ĐT.212, ĐT.216, ĐT.217.

- Nâng cấp V đối với 06 đường tỉnh: ĐT.215, ĐT.215A, ĐT.218, ĐT.219, ĐT.220. Đầu tư vào cấp VI các đường tỉnh còn lại. Cải tạo, nâng cấp một số đường huyện nâng lên thành đường tỉnh đạt tối thiểu cấp VI.

1.3. Quy hoạch cảng hàng không Cao Bằng là cảng hàng không nội địa, quy mô quy hoạch cấp 4C, công suất thiết kế 2 triệu hành khách/năm, tổng diện tích sử dụng đất khoảng trên 300 ha.

1.4. Quy hoạch cảng cạn, trung tâm logistics cấp quốc gia, cấp vùng có vị trí tại thị trấn Trà Lĩnh và Tà Lùng; diện tích mỗi khu khoảng 15 - 25 ha.

1.5. Quy hoạch tuyến đường thủy nội địa trên sông Bằng từ khu vực cửa khẩu Tà Lùng đến thành phố Cao Bằng có quy mô đạt cấp V. Khảo sát một số tuyến, thu hút đầu tư cảng bến tại vùng lòng hồ thủy điện trên sông Gâm, sông Bằng nếu đủ điều kiện phục vụ nhu cầu dân sinh và vận chuyển khách du lịch.

### **2. Phương án phát triển điện và mạng lưới cấp điện**

- Phát triển nguồn điện phù hợp với quy hoạch điện lực quốc gia. Xây mới, nâng cấp, cải tạo các trạm biến áp và đường dây truyền tải 500 kV, 220 kV và 110 kV, các đường dây trung thế, hạ thế gắn với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tiếp tục triển khai xây dựng các nhà máy thủy điện vừa và nhỏ đã

được quy hoạch vị trí, địa điểm. Không khuyến khích phát triển các nhà máy điện mặt trời quy mô công nghiệp chiếm nhiều diện tích đất. Nghiên cứu phát triển các dự án nhà máy điện gió tại các khu vực có tiềm năng phát triển.

### 3. Phương án phát triển hạ tầng Thông tin và truyền thông

- Phát triển hạ tầng số, dữ liệu số và các nền tảng số; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số mới vào cải cách thủ tục hành chính; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu; xây dựng đô thị thông minh và từng bước chuyển đổi sang chính quyền số. Đẩy mạnh phát triển kinh tế số. Phát triển xã hội số, trọng tâm là chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế, giáo dục.

- Phát triển hạ tầng bưu chính theo hướng đẩy mạnh chuyển đổi số. Hạ tầng bưu chính chuyển phát trở thành hạ tầng quan trọng của nền kinh tế số, của thương mại điện tử; góp phần thúc đẩy Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Chuyển dịch từ dịch vụ bưu chính truyền thống sang dịch vụ bưu chính số.

- Đảm bảo 100% điểm phục vụ bưu chính được cung cấp Internet băng rộng; 100% người dân được định danh điện tử cá nhân trong giao dịch dân sự của các doanh nghiệp bưu chính. Ứng dụng các công nghệ tiên tiến mới vào các trung tâm khai thác nhằm nâng cao năng suất chia chọn.

### 4. Phương án phát triển hạ tầng cấp, thoát nước

#### 4.1. Cấp nước

##### a) Phân vùng cấp nước

Tỉnh Cao Bằng chia thành 3 vùng cấp nước chính:

- Vùng 1 (*Vùng Trung tâm*): Phân bố chủ yếu ở huyện Hòa An, thành phố Cao Bằng và huyện Hà Quảng. Hệ thống cấp nước đô thị được cấp nước từ trạm cấp nước tập trung, nguồn nước từ sông Bằng, sông Hiến và nước ngầm. Hệ thống cấp nước tập trung (*Hệ tự chảy, bơm dẫn sử dụng nước ngầm, nước mặt*), giếng đào, bể chứa nước mưa (*nhên xây bể nửa chìm, nửa nổi*).

- Vùng 2 (*Vùng phía Đông*): Phân bố tập trung chủ yếu ở các huyện Trùng Khánh, Hạ Lang, Quảng Hòa và Thạch An. Hệ thống cấp nước đô thị được cấp nước từ trạm cấp nước tập trung của thị trấn, nguồn nước mặt và nước ngầm. Hệ thống cấp nước nông thôn phân tán, lấy nước từ giếng khoan, giếng khơi, hồ chứa, lu, bể chứa nước mưa, hồ vải địa kỹ thuật.

- Vùng 3 (*vùng phía Tây*): Chạy từ phía Tây Bắc huyện Bảo Lạc qua huyện Nguyên Bình xuống phía Tây Nam huyện Thạch An. Hệ thống cấp nước đô thị từ các nhà máy nước tập trung để cấp nước sinh hoạt, sử dụng nguồn nước mặt, nước ngầm. Tại khu vực nông thôn, hệ thống cấp nước tập trung tự chảy, giếng khoan, giếng đào, hồ thủy lợi, bể chứa nước mưa (*nhên xây bể nửa chìm, nửa nổi*), hồ vải địa kỹ thuật.

##### b) Định hướng cấp nước

- Tại khu vực đô thị, tiếp tục xây dựng và nâng cấp hệ thống cấp nước nhằm đảm bảo cung cấp nước sinh hoạt cho dân cư đáp ứng tiêu chí cấp nước bền vững.

- Tại khu vực nông thôn, cải tạo hệ thống công trình cấp nước tập trung

hoạt động đảm bảo hoạt động bền vững.

- Xây mới 01 nhà máy nước có công suất 1.500 m<sup>3</sup>/ngày đêm phục vụ cấp nước cho khu công nghiệp, khai thác nguồn nước mặt sông Bằng Giang. Nước sạch cho các cụm công nghiệp được cấp từ các nhà máy nước tập trung của các đô thị.

- Xây mới 07 công trình cấp nước tập trung tại các cửa khẩu, đáp ứng nhu cầu dùng nước sinh hoạt khu vực cửa khẩu khoảng 2.050 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Các khu dân cư tại các cửa khẩu Sóc Giang, Tà Lùng, Trà Lĩnh sẽ được cấp nước sạch từ trạm cấp nước tập trung tại các đô thị Sóc Giang, Tà Lùng và Trà Lĩnh.

#### 4.2. Thoát nước

##### a) Phân vùng thoát nước

Toàn tỉnh Cao Bằng được phân thành các vùng tiêu: sông Gâm, sông Năng, sông Bằng, sông Kỳ Cùng, sông Bắc Vọng, sông Quây Sơn.

##### b) Định hướng thoát nước

- Đối với các đô thị, tiếp tục hoàn thiện hệ thống thoát nước mặt tại các đô thị đảm bảo mật độ đường cống thoát nước chính.

- Khu vực nông thôn, hướng tiêu thoát nước phù hợp với hệ thống tiêu thủy lợi. Tận dụng tối đa hệ thống ao hồ kênh mương và các công trình chứa nước, các công trình thấm để điều hòa dòng chảy, giảm kích thước tiết diện thoát nước.

- Tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đầu tư xây dựng hệ thống nước mặt riêng hoàn toàn, hoạt động theo chế độ tự chảy.

#### 4.3. Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải

- Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật trên 90%; tỷ lệ nước thải sinh hoạt của các đô thị được thu gom và xử lý đạt 90 - 100%.

- Xây dựng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn cho các khu đô thị mới.

#### 5. Phương án phát triển hạ tầng thủy lợi

- Tỉnh Cao Bằng phân thành 04 vùng thủy lợi gồm: Vùng lưu vực sông Gâm, lưu vực sông Bằng, lưu vực sông Bắc Vọng và lưu vực sông Quây Sơn.

- Tại các vùng canh tác lớn (*cấp tỉnh quản lý trở lên*): Nâng cấp sửa chữa 23 công trình; xây mới 14 công trình.

- Tại các vùng diện tích nhỏ lẻ nằm phân tán trong lưu vực: Xây mới hệ thống trạm bơm, kênh mương chưa được đầu tư; cải tạo nâng cấp, kiên cố hóa các kênh mương của các công trình hiện có bị xuống cấp để nâng cao mở rộng diện tích tưới và nâng cao tần suất tưới đảm bảo của công trình. Duy tu, kiên cố tiêu thủy nông và kênh mương nội đồng.

- Tại các vùng sản xuất hàng hóa tập trung và vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao: Đảm bảo cấp nước phải ổn định, không bị gián đoạn. Phát triển một số hồ nhân tạo trên đỉnh đồi, các công trình trạm bơm để bơm nước lên bề chứa nhân tạo.

- Tại các khu vực thường xuyên thiếu nước: Cải tạo, nâng cấp các công

trình cấp nước hiện có; đào ao trữ nước mùa mưa và tưới cho đầu mùa khô; xây dựng những công trình cấp nước cho phần diện tích bị hạn. Chủ động chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, chuyển diện tích trồng lúa sang cây màu hoặc cây công nghiệp ngắn ngày có giá trị kinh tế cao.

#### 6. Phương án quy hoạch hạ tầng xử lý chất thải

- Phấn đấu tới năm 2030, trên 90% các loại chất thải phát sinh được thu gom, tái sử dụng, tái chế và xử lý triệt để bằng những công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường và phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh, hạn chế khối lượng chất thải phải chôn lấp đến mức thấp nhất.

- Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn tại tất cả đô thị; áp dụng thí điểm phân loại rác tại nguồn tại các khu vực nông thôn. Hoàn chỉnh các hạng mục của khu liên hợp xử lý chất thải rắn cấp tỉnh (*lò đốt rác thải y tế, rác thải công nghiệp nguy hại...*). Đầu tư xây dựng tất cả các khu xử lý chất thải rắn, chuyển đổi các khu xử lý chất thải rắn cấp xã thành điểm trung chuyển theo quy hoạch. Xây dựng hệ thống xử lý chất thải rắn y tế tại các khu xử lý trên địa bàn tỉnh.

- Dự kiến bố trí 15 khu liên hợp xử lý chất thải rắn cấp vùng tỉnh và các bãi thải thu gom rác thải sinh hoạt tạm thời tại các xã để trung chuyển tới khu xử lý rác thải cấp huyện.

#### 7. Phương án phát triển hạ tầng y tế

- Phát triển mạng lưới, cơ sở vật chất các cơ sở, đơn vị của ngành y tế để bảo đảm cho người dân được tiếp cận thuận lợi với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe có chất lượng, giảm tỷ lệ mắc bệnh tật và tử vong, nâng cao thể lực, tăng tuổi thọ, góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống, chất lượng nguồn nhân lực.

- Đến năm 2030, hệ thống cơ sở y tế công lập tỉnh Cao Bằng gồm: có 02 Chi cục; 03 Trung tâm tuyến tỉnh; 04 Bệnh viện tuyến tỉnh; 03 Bệnh viện đa khoa huyện hạng II và Bệnh viện Tỉnh Túc; 10 Trung tâm y tế huyện, thành phố; 161 Trạm y tế xã, phường, thị trấn bao gồm các điểm trạm (*do Trung tâm y tế huyện, thành phố quản lý*); thành lập thêm 01 Trung tâm kỹ thuật cao (*cận lâm sàng*); tập trung phát triển hệ thống cơ sở y tế ngoài công lập tại khu vực đô thị, khu vực tập trung đông dân cư phục vụ thuận lợi cho nhu cầu khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe của nhân dân.

#### 8. Phương án phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo

- Cải tạo, nâng cấp, xây mới các cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh theo hướng chuẩn hóa, đáp ứng yêu cầu dạy học, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

- Đến năm 2030, toàn tỉnh dự kiến có 175 trường mầm non, 123 trường tiểu học, 176 trường trung học cơ sở, 30 trường trung học phổ thông (*trong đó có 01 trường trung học phổ thông chuyên*), 01 Trung tâm phục hồi chức năng và giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật, 01 trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh, 01 trường Cao đẳng (*Cao đẳng Cao Bằng*). Hệ thống cơ sở giáo dục dân tộc có 13 trường phổ thông dân tộc nội trú (*01 trường cấp trung học phổ thông, 12 trường cấp trung học cơ sở*) và 60 trường phổ thông dân tộc bán trú.

9. Phương án phát triển hạ tầng khoa học công nghệ

- Đầu tư xây dựng trung tâm nghiên cứu, bảo tồn quỹ gen; xây dựng Trạm quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường; xây dựng khu nông nghiệp công nghệ cao, khu công nghệ sinh học công nghệ cao; xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin khoa học và công nghệ; xây dựng sàn giao dịch công nghệ và trung tâm chuyển giao công nghệ.

- Phát triển một số Trạm thực nghiệm chuyển giao khoa học và công nghệ tại các huyện, thành phố. Xây dựng trung tâm đào tạo nguồn nhân lực, cán bộ quản lý, hợp tác quốc tế, ươm tạo, chuyển giao khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo.

10. Phương án phát triển hạ tầng văn hóa, thể thao

- Chú trọng công tác tu bổ, tôn tạo di tích. Đầu tư trang thiết bị, hiện đại hóa 01 thư viện tỉnh và 10 thư viện cấp huyện, thành phố; từng bước hình thành hệ thống thư viện năng động, đa dạng. Hoàn thành, phát huy hiệu quả hoạt động của Bảo tàng tỉnh; xây dựng cơ sở dữ liệu, số hóa tư liệu, hiện vật, di sản. Nâng cấp cơ sở hạ tầng đoàn nghệ thuật tỉnh Cao Bằng trở thành trung tâm nghiên cứu, biểu diễn nghệ thuật truyền thống các dân tộc Tây Bắc. Xây mới nhà biểu diễn nghệ thuật có quy mô 1.200 chỗ ngồi thành điểm đến hấp dẫn phục vụ phát triển du lịch địa phương. Phát triển 01 Trung tâm Văn hóa và Thông tin Du lịch tỉnh và 10 Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông cấp huyện, thành phố.

- Phát triển các công trình thể thao hiện đại nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng về giao lưu, trao đổi, hưởng thụ văn hóa, luyện tập thể dục, thể thao của các tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh. Duy trì và đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng 01 sân vận động hiện có, 01 nhà thi đấu tỉnh; xây dựng khu liên hợp thể thao.

11. Phương án phát triển hạ tầng giáo dục nghề nghiệp và an sinh xã hội

- Đến năm 2030, toàn tỉnh có 15 cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trong đó: 01 trường Cao đẳng nghề; 09 trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên; 03 cơ sở khác đào tạo nghề nghiệp; 02 cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập.

- Rà soát, sắp xếp và đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở trợ giúp xã hội hiện có; ưu tiên và khuyến khích, đa dạng các nguồn lực để nâng cấp 01 cơ sở Bảo trợ xã hội tổng hợp, 01 cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc, phục hồi chức năng tâm thần, 01 cơ sở cai nghiện ma túy, 01 trung tâm điều dưỡng người có công, quy hoạch mới 04 cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật. Xây mới, mở rộng trụ sở làm việc, đầu tư trang thiết bị cho Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị Trung tâm dịch vụ việc làm vùng miền Đông tại huyện Quảng Hòa và Trung tâm dịch vụ việc làm vùng miền Tây tại huyện Bảo Lạc.

12. Phương án phát triển trung tâm thương mại, hội chợ và triển lãm tỉnh

- Quy hoạch hệ thống siêu thị đáp ứng nhu cầu mua sắm kết hợp vui chơi, giải trí. Tập trung thu hút, đầu tư 01 khu trung tâm thương mại dịch vụ cấp tỉnh và một số khu trung tâm thương mại dịch vụ cấp khu vực. Đầu tư xây dựng trung tâm thương mại hạng I tại thành phố Cao Bằng và huyện Trùng Khánh, trung tâm thương mại hạng II tại các huyện Hòa An, Bảo Lâm và Hà Quảng.

- Hình thành hệ thống khu logistics tại khu vực ngoại vi thành phố Cao Bằng tại các vị trí thuận tiện gần các khu kinh tế cửa khẩu và các tuyến giao thông trọng yếu.

- Xây dựng 01 trung tâm hội chợ, triển lãm quốc tế hiện đại; nghiên cứu phát triển thêm 01 trung tâm hội chợ triển lãm quốc tế tại khu kinh tế cửa khẩu.

- Phát triển hệ thống hạ tầng cung ứng, dự trữ xăng dầu, khí đốt đảm bảo đầy đủ, an toàn, liên tục cho phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng trên địa bàn tỉnh.

### 13. Phương án phát triển hạ tầng phòng cháy và chữa cháy

- Phát triển hệ thống hạ tầng phòng cháy và chữa cháy đồng bộ, từng bước hiện đại, phù hợp với điều kiện của địa phương, kết nối đồng bộ với hệ thống hạ tầng quốc gia, vùng Trung du miền núi phía Bắc.

- Đầu tư hạ tầng phòng cháy chữa cháy (*mạng lưới trụ sở, doanh trại, công trình phục vụ phòng cháy chữa cháy; giao thông; nguồn nước; thông tin liên lạc*); chú trọng quy hoạch xây dựng trụ sở doanh trại, đơn vị Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu hộ cứu nạn đáp ứng yêu cầu về chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đảm bảo an toàn cho phát triển kinh tế - xã hội và cuộc sống của nhân dân.

## VII. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030

- Nguồn lực đất đai phải được điều tra, đánh giá, thống kê, kiểm kê, sử dụng hiệu quả, hợp lý, tiết kiệm, bền vững; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; phát triển giáo dục, văn hóa, thể thao; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; tạo động lực cho sự phát triển của tỉnh. Đảm bảo việc bố trí sử dụng đất hợp lý trên cơ sở cân đối nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực phù hợp với chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030.

- Thực hiện Quyết định số 326/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 09 tháng 3 năm 2022, phân bổ chỉ tiêu đất cho tỉnh Cao Bằng đến năm 2030 là: đất nông nghiệp khoảng 630.316 ha; đất phi nông nghiệp là 38.346 ha; đất chưa sử dụng 1.377 ha.

## VIII. DANH MỤC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

Trên cơ sở định hướng phát triển các ngành và lĩnh vực, xác định các dự án lớn, có tính chất quan trọng, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Cao Bằng đề ưu tiên đầu tư và thu hút đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

## IX. CÁC NHÓM GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nhóm giải pháp về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh

- Phải có quyết tâm chính trị cao của lãnh đạo, cả hệ thống chính trị, cán bộ và nhân dân vào cuộc để nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, đưa Chỉ số xếp hạng PCI từ nhóm cuối hiện nay lên nhóm trung bình khá của cả nước.

- Thực hiện quyết liệt cải cách hành chính, đặc biệt là thủ tục hành chính, đẩy mạnh. Đẩy mạnh ứng dụng thông tin, công nghệ số và trí tuệ nhân tạo để xây

dựng chính quyền điện tử tiến tới chính quyền số. Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố đẩy nhanh tốc độ xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước, nhất là trong việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến liên quan đến doanh nghiệp và nhà đầu tư.

- Chú trọng cải thiện đồng bộ môi trường đầu tư, kinh doanh để nâng cao điểm số và xếp hạng về môi trường đầu tư kinh doanh. Mỗi chỉ số thành phần của chỉ số PCI giao cho một đơn vị làm đầu mỗi chủ trì có các giải pháp cụ thể.

## 2. Nhóm giải pháp về huy động vốn đầu tư

- Đối với vốn ngân sách nhà nước: tranh thủ nguồn vốn hỗ trợ từ Trung ương, nguồn vốn hỗ trợ ODA, các nhà tài trợ và các nguồn vốn hỗ trợ khác để đầu tư các dự án lớn về kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi và các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng xã hội. Phối hợp với các Bộ, ngành ngay sau khi quy hoạch được phê duyệt để xây dựng kế hoạch, bảo đảm các công trình, dự án trọng điểm của tỉnh được thể hiện đầy đủ trong kế hoạch đầu tư của Bộ ngành, nhằm bảo đảm vốn cho đầu tư phát triển.

- Đối với vốn ngoài ngân sách nhà nước: đổi mới, nâng cao hiệu quả, đa dạng hóa các hình thức và áp dụng công nghệ số vào công tác xúc tiến đầu tư, tạo làn sóng thu hút đầu tư mới có chất lượng nhằm phát triển du lịch, dịch vụ, công nghiệp chế biến khoáng sản, nông, lâm sản tinh có lợi thế cạnh tranh, nông nghiệp áp dụng công nghệ cao. Thu hút các doanh nghiệp, đối tác có công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, hệ thống quản lý hiện đại; các tập đoàn đa quốc gia hàng đầu thế giới; các doanh nghiệp vừa và nhỏ đến từ các nền kinh tế phát triển như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc... tạo tác động lan tỏa tích cực tới sự phát triển của khu vực kinh tế trong nước và nhằm vào thị trường Trung Quốc.

## 3. Nhóm giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

- Có cơ chế thu hút nguồn nhân lực có chất lượng từ ngoài tỉnh đến công tác, làm việc phục vụ cho sự nghiệp phát triển của tỉnh.

- Xây dựng và ban hành quy hoạch, kế hoạch xây dựng đội ngũ nhân lực phục vụ sự nghiệp phát triển của tỉnh.

- Thực hiện liên kết, đặt hàng với các cơ sở đào tạo có uy tín để thực hiện đào tạo đội ngũ nhân lực cho tỉnh theo quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt.

- Liên kết với các khu công nghiệp, khu chế xuất, nhà máy, công xưởng, các cơ sở phát triển và ứng dụng công nghệ để phát triển hệ thống cơ sở thực hành, thực tập cho các cơ sở đào tạo trong tỉnh và để học hỏi mô hình quản trị nhân lực, quản trị sản xuất trong các lĩnh vực.

- Thực hiện tốt các biện pháp để phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng giáo dục các cấp học mầm non và phổ thông, tạo nền tảng vững chắc cho công tác đào tạo nghề nghiệp cho người học sau giáo dục phổ thông.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, áp dụng công nghệ số và AI vào công tác quản lý giáo dục, thực hiện thống nhất đầu mối quản lý và hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về giáo dục.

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả đổi mới nội dung, chương trình, phương

pháp dạy học theo hướng coi trọng phát triển năng lực và phẩm chất người học.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất và năng lực tốt để đáp ứng nhu cầu chuyên đổi số, xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số và xã hội số.

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ trong sản xuất, nông lâm nghiệp nhất là công nghệ cao.

- Xây dựng hệ thống mạng lưới thông tin thị trường lao động, phát triển sàn giao dịch việc làm, kết nối thông tin thị trường lao động.

4. Nhóm giải pháp về tổ chức sản xuất, xây dựng thương hiệu và phát triển thị trường

- Tổ chức lại sản xuất, áp dụng công nghệ số và các mô hình sản xuất mới, tiên tiến. Tập trung xây dựng và ứng dụng công nghệ số để quảng bá thương hiệu, phát triển thị trường tiêu thụ các sản phẩm đặc thù của tỉnh Cao Bằng. Áp dụng các công nghệ tiên tiến trong công tác quản lý chất lượng hàng hoá, đăng ký thương hiệu, cải tiến mẫu mã, bao bì hàng hoá nhằm củng cố thị trường hiện có và mở rộng thị trường trong và ngoài tỉnh. Đổi mới, sử dụng công nghệ số trong công tác xúc tiến thương mại, gắn sản xuất với thị trường tiêu thụ nhằm cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết cho các cơ sở sản xuất và nhà tiêu thụ.

- Khuyến khích doanh nghiệp áp dụng các quy trình sản xuất theo các tiêu chuẩn quốc tế, xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm của tỉnh Cao Bằng. Xây dựng tiêu chuẩn chất lượng cơ sở và thực hiện xúc tiến thương mại; nâng cao năng lực cho trung tâm xúc tiến thương mại và dự báo thị trường của tỉnh để đảm bảo hoạt động có hiệu quả. Thu hút các doanh nghiệp, tập đoàn lớn đủ khả năng đầu tư theo chuỗi khép kín vào ngành nông, lâm nghiệp và hỗ trợ, dẫn dắt người dân sản xuất đáp ứng nhu cầu thị trường.

5. Nhóm giải pháp về bảo vệ môi trường; nâng cao vai trò của khoa học công nghệ, đẩy nhanh tiến độ chuyên đổi số thúc đẩy phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, tăng trưởng xanh, phát triển kinh tế xanh theo hướng đổi mới nội dung, đa dạng hóa hình thức tuyên truyền phù hợp với từng đối tượng, các vùng miền; đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động đào tạo, truyền thông về môi trường. Nâng cao nhận thức và đề cao trách nhiệm, phối hợp, chặt chẽ, đồng bộ giữa các cấp, các ngành; giữa tỉnh với các huyện, thành phố về bảo vệ môi trường, tăng trưởng xanh, phát triển kinh tế xanh. Nâng cao năng lực của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường từ tỉnh đến huyện đáp ứng yêu cầu.

- Thực hiện chuyển đổi số đồng bộ, toàn diện trên cả các trụ cột là chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

- Nâng cao vai trò của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và công nghệ số, AI thúc đẩy phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

- Cơ cấu lại các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học công nghệ gắn với thực



tiền phát triển kinh tế - xã hội của Cao Bằng.

- Xây dựng tiềm lực khoa học công nghệ, ứng dụng công nghệ số và AI đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số và hội nhập quốc tế.

- Phát triển mạnh thị trường khoa học công nghệ và hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

- Tăng vốn đầu tư từ ngân sách và tích cực huy động các nguồn lực xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học và công nghệ. Đẩy mạnh liên kết, hợp tác về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, thực hiện chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số.

#### 6. Nhóm giải pháp về hoàn thiện cơ chế, chính sách liên kết phát triển

- Xây dựng chương trình hành động và triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Ban hành các cơ chế, chính sách khuyến khích các lĩnh vực ưu tiên để đẩy mạnh thu hút nguồn lực cho phát triển như: cơ chế, chính sách phát triển vùng động lực, thu hút các nhà đầu tư lớn, phát triển các ngành sản xuất sản phẩm thân thiện môi trường, chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa...; tập trung vào lĩnh vực giao thông, du lịch, văn hóa, môi trường.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích, ưu đãi, đầu tư phát triển nông, lâm nghiệp, nhất là nông nghiệp áp dụng công nghệ cao.

- Phối hợp với các cơ quan Trung ương và địa phương hợp tác phát triển các công trình và dự án liên tỉnh, quy mô vùng (*giao thông, thủy lợi...*).

#### 7. Nhóm giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn

- Kiểm soát chặt quỹ đất rừng, tài nguyên - môi trường rừng và tỷ lệ bao phủ rừng, cân bằng và chuyển hóa một phần quỹ đất nông nghiệp hiện có trong đô thị sang đất xây dựng để đáp ứng tiêu chí phát triển đô thị và nhu cầu tăng trưởng kinh tế cho xã hội.

- Xây dựng lộ trình thích hợp để đẩy mạnh và kiểm soát tốc độ đô thị hóa, nâng hạng đô thị, sau khi đã tiến hành xây dựng, nâng cấp chất lượng hạ tầng đô thị tại các khu ở nông thôn giáp cận với ranh giới đô thị.

- Đầu tư xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin đất đai, hồ sơ địa chính theo mô hình hiện đại, tập trung thống nhất mang tính tích hợp.

#### 8. Nhóm giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

- Tổ chức công bố công khai quy hoạch bằng nhiều hình thức khác nhau, tạo sự đồng thuận, nhất trí cao trong triển khai thực hiện.

- Thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung và xây dựng mới quy hoạch chung, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và các quy hoạch khác theo quy định của pháp về quy hoạch, đảm bảo đồng bộ.

- Triển khai xây dựng kế hoạch hành động, thường xuyên cập nhật, cụ thể

hóa các nội dung quy hoạch thành kế hoạch 5 năm và hàng năm. Các cấp, các ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chương trình, kế hoạch phát triển bảo đảm phù hợp với quy hoạch được duyệt. Trong quá trình triển khai thực hiện, định kỳ đánh giá, giám sát việc thực hiện quy hoạch theo quy định.

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII Kỳ họp thứ 13 (*chuyên đề*) thông qua ngày 27 tháng 4 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

**CHỦ TỊCH**

**Triệu Đình Lê**